

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 24/2023/DS-PT
Ngày 07-04-2023
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Ông Hoàng Văn Thụ

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lục Văn A, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ B, phường C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Long Thị D**, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Tổ B, phường C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020). Có mặt

Bị đơn: Ông Lục Trường Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Lục Trường G**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đắc H và Luật sư Phùng Văn I - Công ty Luật TNHH Minh Thụ, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 1602A, Tòa nhà Gemek Tower II, khu đô thị Hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Có mặt

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà **Lục Thị J**, sinh ngày 06/12/1962; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lục Thị J: Luật sư Phạm Văn K - Văn phòng Luật sư Đức Năng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Có mặt

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Lục Thị L**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 8, phường C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Ông Lục Trường G; sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Bà Lục Thị M; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện: Ông Lục Trường Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Ông Lục Trường Đ ủy quyền cho ông **Lục Trường G** - Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022.

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bà N ủy quyền cho ông **Lục Trường G** (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2022).

Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lục Văn A trình bày:

Bố ông là cụ Lục Ích O, sinh năm 1930, chết năm 2007; trước khi chết bố ông không để lại di chúc. Mẹ ông là cụ La Thị P; sinh năm 1926, chết năm 2017. Sinh thời bố mẹ ông sinh được 03 người con chung là: bản thân ông là Lục Văn A, sinh năm 1955; Em gái là Lục Thị L, sinh năm 1957; Em gái là Lục Thị J, sinh năm 1962.

Năm 1966, Tòa án nhân dân khu tự trị Việt Bắc đã xử cho bố mẹ ông được ly hôn. Sau khi ly hôn, bố ông lấy vợ hai là cụ Lục Thị Q và sinh được bốn người con chung là: Lục Thị M; Lục Trường T (tên gọi khác T1, đã chết, chưa có vợ, con); Lục Trường G; Lục Trường Đ.

Như vậy, bố ông sinh được tất cả 07 người con, 01 người con đã chết còn lại 06 người con cùng bố khác mẹ. Trước khi chết, bố ông không để lại di chúc. Hai người vợ của bố ông là cụ La Thị P và cụ Lục Thị Q cũng đã chết và không để lại di chúc. Bố ông cũng không có người con nuôi nào khác.

* Di sản của bố ông để lại gồm có:

- 01 nhà gỗ nghiêng; Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 76, diện tích: 185,2m²

- 22 thửa ruộng và đất trồng màu; Địa chỉ: thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

+ Đất ruộng gồm các thửa: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 39, diện tích 24,9m²; Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 39, diện tích 435,5m²; Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 39, diện tích 94,7m²; Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 39, diện tích 629,7m²; Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 39, diện tích 560,1m²; Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 39, diện tích 194,9m²; Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 39, diện tích 271,9m²; Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 39, diện tích 378,5m²; Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 39, diện tích 471,6m²; Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 39, diện tích 669,0m²; Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 39, diện tích 296,6m²; Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 39, diện tích 330,8m²; Thửa đất số 190, tờ bản đồ số 39, diện tích 373,3m²; Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 39, diện tích 382,5m²; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, diện tích 271,1m²; Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 39, diện tích 161,9m²; Thửa đất số 210, tờ bản đồ số 39, diện tích 540,0m²; Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 39, diện tích 83,4m²; Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 39, diện tích 165,4m²; Thửa đất số 422, tờ bản đồ số 39, diện tích 128,8m²

+ Đất trồng hoa màu: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75, diện tích 713,4m²; Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 75, diện tích 162,5m²

Tổng cộng là 22 thửa, có tổng diện tích là 6.342,5m²

* Về nguồn gốc tài sản là do ông bà để lại và bố mẹ mua:

- 20 thửa ruộng tại xứ đồng Y là của ông bà nội để lại;

- 02 thửa ruộng tại xứ đồng Nà Bản, thị trấn F do bố mẹ ông mua.

Ông đã nhiều lần gặp gỡ, trao đổi để thỏa thuận với các em cùng bố khác mẹ về việc phân chia di sản, nhưng các em ông đều không đồng ý, không công nhận ông là người có quyền lợi, không liên quan gì đến di sản của bố ông.

Di sản của bố ông để lại là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Nguồn gốc của các di sản là này do bố ông nhận thừa kế của ông bà nội ông để lại; một phần các ruộng đất sau này do bố ông nhận chuyển nhượng của những người cùng địa phương không có nhu cầu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. Sau khi được nghỉ hưu từ năm 2010 ông đã trao đổi với Lục Trường Đ và các em về việc phân chia tài sản của bố để lại, các em đã phản ứng gay gắt và mâu thuẫn, xung đột đã xảy ra mà không thể tự giải quyết được.

Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để phân chia di sản thừa kế của bố ông để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A đã ủy quyền cho bà Long Thị D tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà D trình bày: Chồng của bà là ông Lục Văn A yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là tài sản do ông Lục Ích O và bà La Thị P để lại và người bị khởi kiện là ông Lục Trường Đ. Ông Đ là con cùng cha khác mẹ với ông A, mẹ ông Đ là bà Lục Thị Q, là vợ hai của ông Lục Ích O. Ông Lục Ích O chết năm 2007, bà La Thị P chết năm 2017, bà Lục Thị Q chết năm 1994. Ông Lục Ích O và bà La Thị P có ba người con chung: Con cả là Lục Văn A, sinh năm 1955; Con thứ hai tên Lục Thị L, sinh năm 1957; Con thứ ba tên Lục Thị J, sinh năm 1962. Ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q có bốn người con: Con cả tên Lục Thị M, sinh năm 1967 bị thiểu năng không nhận thức được hành vi và hiện nay bà M đang sống với em trai Lục Trường Đ; Con thứ hai tên Lục Trường T, sinh năm 1969 đã chết năm 2014 (có vợ chưa có con, vợ tên Hoàng Thị N, sinh năm 1969); Con thứ ba tên Lục Trường G, sinh năm 1971; Con thứ tư tên Lục Trường Đ, sinh năm 1973.

Tài sản của ông Lục Ích O và bà La Thị P bao gồm:

Đất ruộng trồng hoa màu thửa số 130 và thửa số 155, tờ bản đồ số 75, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn F, huyện Bảo Lạc; Nguồn gốc của hai thửa đất do ông O mua năm 1958 với bà Nông Thị R.

Có 20 thửa ruộng tại tờ bản đồ số 39 theo như đơn khởi kiện trình bày là của ông nội Lục Văn U (bố của ông O) và bà Hoàng Thị S (mẹ của ông O) để lại. Địa chỉ các thửa đất nằm ở xóm Y, thị trấn F, huyện Bảo Lạc.

Đất ở thửa số 142 tờ bản đồ 76 có tổng diện tích là 185,2m², trong đó có khoảng 120m² của ông Lục Văn U để lại, diện tích đất còn lại là ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q (vợ hai) mua với bà Nông Thị Z vào năm 1984 (bà Z đã chết) và có làm giấy tờ mua bán. Toàn bộ đất bà kể trên do Lục Trường Đ đang quản lý, sử dụng và là người giữ giấy tờ mua bán đất. Tại phiên tòa, bà yêu cầu tính phần

di sản của ông O tại thửa đất ODT 142 theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ; Theo như đo đạc tại buổi xem xét thẩm định thì đất ông O và vợ hai mua với bà Z có diện tích là 52,3m² phần còn lại là đất của ông V và để lại.

Từ khi ông Lục Ích O chết ông Lục Trường Đ là người quản lý và sử dụng khối tài sản kể trên và là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước. Các thửa đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu độc lập bà Lục Thị J yêu cầu chia di sản thừa kế để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 14, 15 và B119; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn F, huyện Bảo Lạc. Theo bà, ba thửa đất này do ông Lục Ích O và vợ hai khai phá. Các phía tiếp giáp và hiện trạng của đất bà không nắm rõ, ai là người đang quản lý sử dụng bà cũng không nắm được.

Bà nhất trí với kết quả sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất theo như sơ đồ hiện nay, bà đề nghị được chia bằng đất, không chia bằng tiền, không đề nghị chia các di sản là công trình trên đất, hoa màu, lúa trên đất. Đối với khối di sản kể trên bà yêu cầu như sau: Đối với đất ở thửa số 142 tờ bản đồ số 76, yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật, chỉ lấy đất không lấy tiền; Đối với hai thửa đất số 130 và 155, tờ bản đồ số 75 là đất trồng hoa màu bà yêu cầu chia theo pháp luật, nguyện vọng muốn được chia thừa số 155; Đối với 20 thửa đất ruộng tại xóm Y, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nguyện vọng được chia thừa số 97. Đối với yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu độc lập của bà W bà không yêu cầu được chia.

3. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Lục Thị W trình bày:

Bà là con đẻ của ông Lục Ích O và bà Lã Thị P, là em cùng cha cùng mẹ với ông Lục Văn A, là chị cùng cha khác mẹ với Lục Trường Đ. Ông O chết năm 2007, bà P chết năm 2017. Bà không có thời gian nào sống chung với ông O. Bà đồng ý với yêu cầu của ông Lục Văn A yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông O để lại và bà yêu cầu được chia kỷ phần trong tài sản do ông O để lại và chỉ nhận đất không lấy tiền, hiện nay tài sản ông O để lại đang do ông Đ quản lý và sử dụng. Khi ông Lục Ích O còn sống, năm 1994 bà có ý định bảo ông O chia tài sản nhưng khi bà xuống đến nhà thì ông Đ đánh bà nên đến khi ông O chết bà vẫn không gặp được ông O để yêu cầu chia tài sản. Năm 2018, khi Tòa án giải quyết đơn của ông A thì ông Đ cũng đến gian hàng của bà để đe dọa. Ông O và bà P là vợ cả có 03 người con là Lục Văn A, Lục Thị L và bà. Ông O và bà Q là vợ hai có 04 người con là Lục Thị G, Lục Trường Thanh (đã chết), Lục Trường G và Lục Trường Đ. Trong khối tài sản yêu cầu chia thừa kế thì có một phần đất ở là của ông O và bà P mua năm 1986, còn lại là đất ruộng.

Tại đơn yêu cầu độc lập bà Lục Thị W trình bày: Di sản của ông O để lại gồm có gần 30 thửa đất gồm đất ở, đất nông nghiệp, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, các tài sản này hiện nay đều do ông Lục Trường Đ quản lý và sử dụng, khi chết ông O không để lại di chúc nên bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu độc lập bà Lục Thị W trình bày: Yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố bà đã chết để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 14, số 15, số B119, tờ bản đồ số 73, tại khu 6, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Nguồn gốc các thửa đất trên là do ông O và bà P khai phá. Thửa đất số 14 có diện tích 253m², phía bắc giáp đất của ai không rõ, phía Nam tiếp giáp thửa số 15, phía đông giáp đất ông Tô Văn Đ1, phía tây giáp đất Ủy ban nhân dân thị trấn. Thửa số 15 có diện tích 346,8m² phía bắc giáp thửa số 14, phía Nam giáp đường Ủy ban nhân dân thị trấn, phía đông giáp đất ông Nông Minh B1, phía tây giáp đất của ông Nông Ngọc C1 và đường Ủy ban nhân dân thị trấn. Thửa đất số B119 có diện tích 214,17m², phía bắc giáp đất ông Nông Ngọc C1, phía Tây Nam giáp đường Ủy ban nhân dân thị trấn, phía đông giáp đất ông Nông Minh B1. Ba thửa đất hiện nay đang do ông Đ quản lý và sử dụng.

Bà nhất trí với kết quả sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất theo như sơ đồ hiện nay, bà đề nghị được chia bằng đất, không chia bằng tiền, không đề nghị chia các di sản công trình trên đất, hoa màu, lúa trên đất. Cụ thể đối với khối di sản kể trên bà yêu cầu như sau: Đối với đất ở thửa số 142 tờ bản đồ số 76, yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật, chỉ lấy đất không lấy tiền; Đối với hai thửa đất số 130 và 155, tờ bản đồ số 75 là đất trồng cây hàng năm bà yêu cầu chia theo pháp luật, nguyện vọng muốn được chia thửa số 155; Đối với 20 thửa đất ruộng tại xóm Y, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nguyện vọng được chia thửa số 97. Đối với ba thửa đất 14, 15, B119 bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

4. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lục Trường Đ trình bày:

Ông là con đẻ của ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q. Bố ông và vợ cả là bà La Thị P đã ly hôn vào năm 1966, có ba người con là Lục Văn A, Lục Thị L và Lục Thị J. Bố ông và mẹ ông là bà Lục Thị Q có với nhau 4 người con là Lục Thị M, Lục Văn T1, Lục Trường G, người còn lại là ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Văn A ông không chấp nhận vì bố ông đã ly hôn với mẹ ông A và đã hoàn tất thủ tục theo pháp luật, không liên quan gì đến tài sản. Theo ông tài sản ông Lục Ích O để lại là đất đai và nhà tại Tổ dân phố E, thị trấn F; trong đó có một phần của bố mẹ ông mua với bà Z vào năm 1984. Sau khi hợp tác xã tan rã, năm

1986 mẹ của ông làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn, hợp tác xã thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc xin làm ruộng lại xóm Y. Đến năm 1988 gia đình ông được cấp và sử dụng lâu dài cho tới nay. Vì đất ruộng chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông chưa rõ số thửa diện tích như thế nào, ông quản lý thực tế trên thực địa ở Nà Bản và Y đều thuộc thị trấn F, huyện Bảo Lạc. Từ khi bố mẹ ông chết, đất do bốn anh chị em ông quản lý và sử dụng theo di chúc của bố ông để lại. Di chúc được lập vào ngày 16/5/2006. Nội dung di chúc là chia đất nhà ở và ruộng vườn cho bốn anh em quản lý, sử dụng và di chúc ông đã nộp cho Tòa án.

Hiện nay bà Lục Thị M đang sinh sống với ông, thuộc diện khuyết tật, nhận thức và điều khiển hành vi hạn chế, hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội. Ông Lục Văn T1 đã chết năm 2013, có vợ không có con. Ông Lục Trường G đang sinh sống tại Tổ dân phố E, thị trấn F.

Đối với yêu cầu của ông Lục Văn A và bà Lục Thị J là chia bằng đất không chia bằng tiền với đất ở tại Tổ dân phố E, 20 thửa ruộng tại xứ đồng Y, 02 thửa ruộng tại xứ đồng Nà Bản là di sản của ông Lục Ích O để lại, ông cho rằng không có căn cứ, tài sản đã được ông và các anh em sử dụng lâu dài, được mọi người, các cấp chính quyền công nhận sử dụng hợp pháp. Do bận công tác nên các anh em trong gia đình ông chưa yêu cầu nhà nước kê khai quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A và bà W.

Đối với yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu độc lập của bà W yêu cầu chia di sản thừa kế để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 14, 15 và B119, tờ bản đồ số 73, địa chỉ tại tổ dân phố 6, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, ông không đồng ý. Nguồn gốc của ba thửa đất là một mảnh vườn của gia đình ông do mẹ ông là bà Lục Thị Q khai phá, bố ông không giúp sức khai phá ba mảnh đất này. Diện tích từng thửa đất ông không biết vì ba thửa đất này gộp chung là một mảnh vườn, ngay bên dưới mảnh vườn là đường dân sinh từ trường mầm non thị trấn rẽ trái qua trước cửa nhà Lưu Văn D1 đi sát ngay bờ rào vườn nhà ông hướng về bệnh viện Bảo Lạc. Do nhu cầu làm đường quốc lộ 34 nên đã san gạt hết phần đường dân sinh, trước khi san gạt ban quản lý đường có gặp và làm việc với gia đình ông. Diện tích rộng theo mặt đường sau khi đã chia cho anh Tâm và anh Liên hiện tại còn lại khoảng 50m chiều dài, chiều sâu khoảng 15m, đất taluy dốc. Các phía tiếp giáp của mảnh đất (cả ba thửa đất): Hướng từ trung tâm thị trấn đi huyện Bảo Lâm giáp đất của ông Nông Ngọc C1, phía trên đường giáp đất ông Nông Minh B1 và đất ông Tô Văn Đ1, cuối mảnh đất giáp đất ông Hoàng Đức F1, dưới chân mảnh đất giáp đường quốc lộ 34. Hiện nay đất do ông đại diện cho gia đình quản lý, sử dụng và đang trồng cây chuối. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lúc đo đạc, làm thủ tục ông không ở nhà.

Đối với toàn bộ yêu cầu của ông A, bà W, bà L ông không đồng ý vì đã có bản di chúc của bố ông, yêu cầu thực hiện theo di chúc.

5. Tại biên bản lấy lời khai ông Lục Trường G trình bày:

Ông là con đẻ của Lục Ích O và bà Lục Thị Q, là em trai cùng cha khác mẹ với ông Lục Văn A, mẹ của ông A là vợ cả, còn mẹ của ông là vợ hai của ông Lục Ích O. Ông là anh trai ruột cùng cha cùng mẹ với ông Lục Trường Đ. Ông Lục Ích O và vợ cả là bà Lã Thị P có 03 người con chung là: Lục Văn A, Lục Thị L và Lục Thị W. Ông Lục Ích O và vợ hai là bà Lục Thị Q có 04 người con chung là: Lục Thị G, Lục Văn T1, ông và Lục Trường Đ. Ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế tài sản do ông Lục Ích O để lại do bố ông đã để lại di chúc năm 2006 để lại tài sản cho 04 người con là Thủy, T1, Thi và Đ. Tài sản do ông O để lại hiện nay do ông và ông Đ quản lý và sử dụng, các thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A đến tranh chấp. Năm 2014 ông A làm đơn khởi kiện yêu cầu chia đất ruộng ở H1, lúc đó ông đã cung cấp bản di chúc cho các cơ quan chức năng của thị trấn F. Trong các văn bản tài liệu đã chứng thực ông Lục Ích O đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trách nhiệm đối với gia đình ông A như đã nộp đủ tiền ăn học đến năm 18 tuổi và đi học chuyên nghiệp, vào năm 1993 bố ông đã đưa 7.000.000 đồng để mua đất tại thành phố Cao Bằng cho ông A. Khi bố ông bị ốm đau thì gia đình ông A, bà W, bà L không đến chăm sóc, đặc biệt là bà Lục Thị W đốt pháo ăn mừng khi bố ông chết và được các bà con trong tổ dân phố chứng kiến. Sinh thời ông Lục Ích O có nói với họ hàng, cô chú và bạn bè thân thiết mọi trách nhiệm, nghĩa vụ với nhà trên đã thực hiện đầy đủ, còn toàn bộ tài sản hiện nay đã có di chúc chia cho 04 người con: G1, T1, G và Đ. Nay ông yêu cầu giải quyết dứt điểm vụ án để gia đình tập chung làm ăn và thực hiện đầy đủ ý chí nguyện vọng theo di chúc của ông O.

6. Tại biên bản lấy lời khai bà Lục Thị L trình bày:

Bà là con gái ruột của ông Lục Ích O và bà Lã Thị P (Vợ cả của ông O), là em gái ruột của ông Lục Văn A và là chị gái ruột của bà Lục Thị W. Ông Lục Trường Đ, ông Lục Văn T1, ông Lục Trường G và bà Lục Thị G là em cùng cha khác mẹ của bà. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của ông Lục Ích O theo quy định của pháp luật. Ông O và bà P ly hôn năm 1966 và bà P được chia 10 cân thóc giống, 38 đồng và 01 con trâu đều được cho vào hợp tác xã, bà P không trực tiếp sử dụng. Khi ly hôn, Tòa án quyết định cả ba người con chung ở với bà P. Sau khi ly hôn ông O không hỏi thăm mẹ con bà và không cung cấp tiền hay tài sản gì cho bà. Khi ông O ốm đau, bà có vào thăm, chăm sóc, khi ông O chết bà có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người con và lo tang lễ, thăm viếng và bà vẫn thường vào Bảo Lạc thăm các em.

Theo bà được biết ông O và bà P có tài sản chung là các thửa đất nhưng ông A trình bày, sau khi ông O chết ông Đ quản lý, sử dụng như thửa đất trên. Bà Lục Thị G bị mất năng lực làm chủ hành vi và mất năng lực nhận thức nhận thức là đúng. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A, yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật.

7. Quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị Ngân trình bày:

Bà là vợ của ông Lục Văn T1, vợ chồng bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng vào năm 2011, đến tháng 5/2014 ông T1 chết. Bà và ông T1 không có con chung. Về việc ông A yêu cầu chia thừa kế bà không muốn tham gia và từ chối nhận thừa kế từ tài sản của ông O để lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà W, bà yêu cầu được chia phần của ông T1 cho bà.

8. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: Ông A, bà L, bà W là con của ông O với vợ cả. Năm 1966 ly hôn, ông O lấy vợ hai sinh được 04 người con: Thủy, Thanh (tên gọi khác là T1 đã chết năm 2014, có vợ, chưa có con); Thi, Đ. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người: ông A, bà L, bà W, bà M, ông G, ông Đ. Bà N không thuộc hàng thừa kế, không có con chung nên không có thừa kế thế vị.

Ông O không được coi là có di chúc, di chúc không hợp pháp nên chia di sản theo pháp luật. Tuy nhiên khi phân chia di sản thì phải xem xét đến công sức của ông Lục Trường Đ là người có công đóng góp, tôn tạo, giữ gìn và bảo quản di sản, ông Đ được chia phần nhiều hơn các đồng thừa kế.

- Đối với thửa đất 142 có diện tích $185m^2$ sẽ trừ đi đất của ông O và vợ hai mua, sau đó chia đều cho 06 phần được $20m^2/\text{phần/người}$. Tuy nhiên tính đến công sức của ông Đ nên, mỗi người chỉ được hưởng di sản là đất ở là $15m^2$, phần của ông Đ là $15m^2 + 25m^2 = 40m^2$. Có thể quy giá trị đất ra bằng tiền, theo như kết quả định giá, người sử dụng đất sẽ thanh toán tiền kỷ phần cho những người còn lại.

Đối với đất trồng hoa màu và đất trồng lúa, chia thành 06 phần, tuy nhiên cũng phải tính công sức quản lý tôn tạo cho ông Đ, chia cho ông Đ phần nhiều hơn. Cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm có tổng diện tích là $1.161,9m^2$ chia đều cho 6 người, mỗi người sẽ được $193.65m^2$. Tuy nhiên, tính công sức cho ông Đ nên mỗi người chỉ được chia $160m^2$, còn ông Đ được hưởng $160m^2 + 201,9m^2 = 361,9m^2$.

- Đất ruộng có tổng diện tích là 6.464,6m² chia đều cho 6 người, mỗi người sẽ được 1.077,4m². Như đã trình bày, nên tính phần công sức cho ông Đ nên chia cho mỗi người 900m², phần của ông Đ là 900m² + 1.064,6m² = 1.964,6m²

- Đối với yêu cầu bổ sung yêu cầu độc lập của bà Lục Thị J đối với thửa đất 14, 15, B119 tại tờ bản đồ số 73 có tổng diện tích là 814,9m² chia đều cho 6 người, mỗi người sẽ được 135,8m². Tính phần công sức cho ông Đ nên chia như sau, mỗi kỹ phần là 120m², riêng ông Đ được hưởng 120m² + 94,9m² = 214,9m²

Tại bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ vào Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 667, Điều 672 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Áp dụng Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn A yêu cầu thừa kế đối với di sản của ông Lục Ích O theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lục Thị J yêu cầu thừa kế đối với di sản của ông Lục Ích O theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập bổ sung của bà Lục Thị J.

4. Di sản được chia như sau:

* Đất ở:

- Giao cho ông Lục Trường Đ toàn quyền sở hữu, định đoạt thửa đất ODT 142, tờ bản đồ số 76, diện tích 185,2m²; Các phía tiếp giáp: Giáp thửa số 3, 141, 153, đường Quốc lộ 34; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông A, bà L, bà W, bà

M, ông G số tiền tương ứng với kỹ phần đất ở được chia là: $18.734.000 \text{ đồng} \times 22,7\text{m}^2 = 425.261.800 \text{ đồng}$ / 01 người nhận thừa kế.

* Đất ruộng (Có sơ đồ thừa đất kèm theo):

- Giao cho ông Lục Trường Đ toàn quyền sở hữu, định đoạt các thửa đất:

+ Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 39, có diện tích $24,9\text{m}^2$; Giáp các thửa số 72, 84 thuộc tờ bản đồ số 39;

+ Thửa đất số 72 tờ bản đồ số 39, có diện tích $435,5\text{m}^2$; Giáp các thửa số 54, 84, 422 thuộc tờ bản đồ số 39;

+ Thửa đất số 73 tờ bản đồ số 39, có diện tích $94,7\text{m}^2$; Giáp các thửa số 97, 84 thuộc tờ bản đồ số 39;

+ Thửa đất số 97 tờ bản đồ số 39, có diện tích $629,7\text{m}^2$; Giáp các thửa số 73, 94, 149 thuộc tờ bản đồ số 39;

+ Thửa đất số 98 tờ bản đồ số 39, có diện tích $560,1\text{m}^2$; Giáp các thửa số 84, 149 thuộc tờ bản đồ số 39;

+ Thửa đất số 422 tờ bản đồ số 39, có diện tích $128,8\text{m}^2$; Giáp các thửa số 72, 84, 149 thuộc tờ bản đồ số 39;

- Giao cho bà Lục Thị G sở hữu và định đoạt các thửa đất:

+ Thửa đất số 116 tờ bản đồ số 39, có diện tích $194,9\text{m}^2$; Giáp các thửa số 84, 117, 149 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 117 tờ bản đồ số 39, có diện tích $271,9\text{m}^2$; Giáp các thửa số 84, 116, 137, 149 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 137 tờ bản đồ số 39, có diện tích $378,5\text{m}^2$; Giáp các thửa số 117, 149 thuộc tờ bản đồ số 39

- Giao cho ông Lục Trường G sở hữu và định đoạt các thửa đất ruộng:

+ Thửa đất số 151 tờ bản đồ số 39, có diện tích 669m^2 ; Giáp các thửa số 137, 149, 150 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 171 tờ bản đồ số 39, có diện tích $296,6\text{m}^2$; Giáp các thửa số 150, 172 thuộc tờ bản đồ số 39

- Giao cho ông Lục Văn A sở hữu và định đoạt các thửa đất ruộng:

+ Thửa đất số 172 tờ bản đồ số 39, có diện tích $330,8\text{m}^2$; Giáp các thửa số 171, 190, 207 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 190 tờ bản đồ số 39, có diện tích $373,3\text{m}^2$; Giáp các thửa số 172, 191, 207, 208 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 207 tờ bản đồ số 39, có diện tích 271,1m²; Giáp các thửa số 149, 172, 190, 208, 225 thuộc tờ bản đồ số 39

- Giao cho bà Lục Thị W sở hữu và định đoạt các thửa đất ruộng:

+ Thửa đất số 191 tờ bản đồ số 39, có diện tích 382,5m²; Giáp các thửa số 149, 152, 179, 226 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 210 tờ bản đồ số 39, có diện tích 540m²; Giáp các thửa số 152, 173, 191, 209, 226 thuộc tờ bản đồ số 39

- Giao cho bà Lục Thị L sở hữu và định đoạt các thửa đất ruộng:

+ Thửa đất số 150 tờ bản đồ số 39, có diện tích 471,6m²; Giáp các thửa số 149, 151, 171 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 208 tờ bản đồ số 39, có diện tích 161,9m²; Giáp các thửa số 190, 191, 207, 225, 226 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 225 tờ bản đồ số 39, có diện tích 83,4m²; Giáp các thửa số 149, 207, 208, 226 thuộc tờ bản đồ số 39

+ Thửa đất số 226 tờ bản đồ số 39, có diện tích 165,4m²; Giáp các thửa số 149, 179, 191 thuộc tờ bản đồ số 39

Các thửa đất này đều cùng địa chỉ: xóm Nà Chùa, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

* Đất trồng hoa màu (Có sơ đồ thửa đất kèm theo):

- Giao cho ông Lục Trường Đ toàn quyền sở hữu và định đoạt các thửa đất:

+ Thửa đất số 155 tờ bản đồ số 75, có diện tích 162,5m². Giáp các thửa: 152, 153, 154, 156, 157 thuộc tờ bản đồ số 75; giáp thửa số 02 thuộc tờ bản đồ số 80; giáp thửa số 16 thuộc tờ bản đồ số 79; giáp thửa số 92 thuộc tờ bản đồ số 74.

+ Thửa đất số 130 (6) tờ bản đồ số 75, có diện tích 87,8m²; Giáp các thửa 130 (5), 219 thuộc tờ bản đồ số 75.

- Giao cho bà Lục Thị G sở hữu và định đoạt: Thửa đất số 130 (5) tờ bản đồ số 75, có diện tích 125,1m²; Giáp các thửa 130 (4), 130 (6), 219 thuộc tờ bản đồ số 75.

- Giao cho ông Lục Trường G sở hữu và định đoạt: Thửa đất số 130 (4) tờ bản đồ số 75, có diện tích 125,1m²; Giáp các thửa 130 (1), 130 (2), 130 (3), 130 (5) thuộc tờ bản đồ số 75.

- Giao cho ông Lục Văn A sở hữu và định đoạt: Thửa đất số 130 (1) tờ bản đồ số 75, có diện tích 125,1m²; Giáp các thửa 130 (2), 130 (4), 131, 132, 158, 159 thuộc tờ bản đồ số 75.

- Giao cho bà Lục Thị W sở hữu và định đoạt: Thửa đất số 130 (3) tờ bản đồ số 75, có diện tích 125,1m²; Giáp các thửa 130 (2), 130 (4) thuộc tờ bản đồ số 75.

- Giao cho bà Lục Thị L sở hữu và định đoạt: Thửa đất số 130 (2) tờ bản đồ số 75, có diện tích 125,1m²; Giáp các thửa 130 (1), 130 (3), 130 (4) thuộc tờ bản đồ số 75.

Các thửa đất này đều có địa chỉ tại: Tổ dân phố 1, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

5. Về án phí:

Ông A, bà L được miễn án phí do là người cao tuổi. Ông A đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002908, ông A được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà M được không phải nộp án phí do là người có nhược điểm về tinh thần.

Bà W, ông G mỗi người phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia cụ thể: 20.000.000 đồng + (4% x 25.261.800 đồng) = 21.010.472 đồng (Hai mươi một triệu không trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng). Bà W đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002921, bà W được trừ đi số tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đ phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (3% x 52.397.000 đồng) = 37.571.910 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn chín trăm mười đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 10 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn kháng cáo của ông Lục Trường G. Kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lục Trường G trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì phần đất này là của cá nhân bố tôi, các anh em của bố tôi đã có văn bản nhất trí để bố tôi quản lý sử dụng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn xin hoãn phiên tòa tại cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi. Bản di chúc của bố tôi là hợp pháp.

- Nguyên đơn trình bày: Không nhất trí với phần trình bày của ông G tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Di sản ông O để lại gồm nhà, đất nên việc Tòa án chia theo pháp luật là có căn cứ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tôi vẫn nhất trí với bản án sơ thẩm, tôi không kháng cáo, tuy nhiên tôi vẫn thắc mắc các kỹ phần chia không được đều nhau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thứ nhất, cần xem xét xác định di sản thừa kế của ông Lục Ích O, căn cứ hồ sơ vụ án quyền sử dụng đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế không phải là tài sản riêng của ông Lục Ích O mà là tài sản chung vợ chồng ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q. Như vậy, di sản thừa kế của ông Lục Ích O chỉ có $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung vợ chồng của ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q; Thứ hai, thẩm phán cấp sơ thẩm không tiến hành định giá tài sản theo quy định của pháp luật; Thứ ba, Hội đồng xét xử xác định diện và hàng thừa kế là trái với quy định tại Điều 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Thứ tư, Hội đồng xét xử vi phạm quy định về tính án phí, lệ phí Tòa án gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước; Thứ năm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giao cho các đương sự được toàn quyền sở hữu và định đoạt các thửa đất là trái với quy định của Luật đất đai năm 2013; Thứ sáu: Tòa án cấp sơ thẩm xác định A người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị I1 tham gia vụ án; Thẩm phán Tô Thị Thùy Ngân đã tham gia giải quyết vụ án thụ lý số 08/2012/TLST-DS ngày 17/10/2012 về việc “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn Lục Văn A và bị đơn Lục Trường Đ với tư cách là thư ký và nay thẩm phán Ngân lại được phân công giải quyết vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn ông Lục Văn A và bị đơn Lục Trường Đ là trái với quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lục Thị J Luật sư Phạm Văn K trình bày: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ: di chúc của ông Lục Ích O không hợp pháp do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng. HĐXX sơ thẩm đã xem xét toàn bộ tài sản về nguồn gốc đất để xác định di sản thừa kế. Việc không đưa Bà I1 vào tham gia tố tụng, Bà I1 không phải thuộc hàng thừa kế do vậy không cần thiết đưa Bà I1 vào tham gia tố tụng. Bà Hoàng Thị N

không đưa vào với tư cách thừa kế thế vị, ông T chết sau nên không thể coi là người thừa kế thế vị là đúng quy định của pháp luật. HĐXX sơ thẩm đã xác định đúng di sản thừa kế, BL 96 có ghi nhận lời khai của cụ Nông Văn J1 nguyên là Phó chủ tịch huyện xác nhận đất và nhà là của tổ tiên để lại cho ông O, do vậy việc xác định khối di sản là có căn cứ. Việc định giá không cần thiết có mặt của các đương sự, chỉ yêu cầu có mặt đầy đủ thành viên của hội đồng định giá. Bà M được UBND thị trấn xác nhận là người khuyết tật, nhận thức và hành vi hạn chế, được hưởng chế độ khuyết tật, ông Đ là người đại diện của bà M là hoàn toàn hợp lý, không trái quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như nội dung, cụ thể:

1. Vi phạm về triệu tập A người tham gia tố tụng:

- Vi phạm về việc xem xét thẩm định tại chỗ không triệu tập những hộ giáp ranh liền kề theo Khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ hồi 8 giờ ngày 40 ngày 12/4/2021 tại BL 203-205: "nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là 20 thửa, tuy nhiên theo chỉ của nguyên đơn là 20 thửa liền kề giáp nhau, một phía là giáp đường nội đồng, còn phía trên hướng lên đường quốc lộ, giáp đất ruộng của ông Hoàng Văn K1, Ban Văn M, Lãnh Văn L1".

Tuy nhiên tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc không mời những người có đất giáp ranh là Hoàng Văn K1, Ban Văn M, Lãnh Văn L1 tham gia xem xét thẩm định.

Biên bản xem xét thẩm định không nêu rõ về hiện trạng trên đất, cũng như không chỉ rõ các hướng tiếp giáp.

2. Vi phạm về xác định hàng thừa kế và diện thừa kế:

Chị Hoàng Thị N là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lục Văn T1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015. Nghĩa là suất thừa kế của ông Lục Văn T1 sẽ được chia cho chị Hoàng Thị N theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Hoàng Thị N không có yêu cầu thừa kế và cũng từ chối nhận thừa kế của ông T1. Tuy nhiên tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc không xác định chị Hoàng Thị N không đề cập đến vấn đề này trong nội dung bản án. Tại BL số 188 Công văn về việc xác minh đăng ký kết hôn tại địa phương số: 12/UBND-TP-HT

ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn F, qua rà soát UBND thị trấn F xác nhận còn lưu sổ gốc đăng ký kết hôn, chồng là Lục Văn T1, sinh ngày 25/10/1969, vợ là Hoàng Thị N, sinh ngày 31/5/1969, được đăng ký ngày 14/02/2011, số: 03/2011, trang số 150, quyển số 01/2007 tại UBND thị trấn F.

Hơn nữa, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc nhận định cần tính công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo, bảo quản di sản cho ông Lục Trường Đ bằng một phần của những người đồng thừa kế, nghĩa là riêng ông Lục Trường Đ được hưởng 2 suất thừa kế là không đúng quy định của pháp luật: Vi phạm Điều 616, 618 BLDS năm 2015.

3. Vi phạm về định giá tài sản:

*Về nguyên tắc định giá: Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Giá năm 2012 có giải thích giá trị trường như sau: “Giá thị trường là giá hàng hóa, dịch vụ hình thành do các nhân tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định”. Còn theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 02 được ban hành kèm theo Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Giá trị thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc.

Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc định giá tài sản chỉ căn cứ vào việc Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng bán đấu giá thành công khu đất ở Ủy ban nhân dân thị trấn cũ vào năm 2018. (thời điểm định giá là năm 2022 nhưng lại áp dụng căn cứ mốc khởi điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh bán đấu giá năm 2018 để xác định giá trị thửa đất).

Đồng thời hội đồng định giá chỉ định giá thửa đất 142 tờ bản đồ số 76 có giá là 18.734.000 đồng mà không xác định giá trị của toàn bộ giá trị tài sản là các thửa đất khác, do đó không đảm bảo tính khách quan cũng như quyền lợi của đương sự, mặt khác vi phạm dẫn đến việc tính án phí sai. Do đó cần phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, tiến hành định giá lại theo khoản 5 Điều 104 BLTTDS 2015.

4. Chưa xác minh làm rõ tài sản được coi là di sản gồm những tài sản gì, tài sản tài sản riêng của ông Lục Ích O trong khối tài sản chung của vợ chồng.

Căn cứ Điều 612 bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về tài sản chung của vợ chồng.

Tổng số 22 thửa đất gồm thửa số 130, 155 TĐĐ số 75 và các thửa số 54, 72, 73, 97, 98, 116, 117, 137, 150, 151, 171, 172, 190, 191, 207, 208, 210, 225, 226, 422 TĐĐ số 39 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù theo lời khai của các đương sự là tài sản thừa kế từ bố mẹ ông Lục Ích O để lại, tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh di sản để lại là tài sản riêng của ông Lục Ích O, do đó theo Luật HNGĐ thì toàn bộ các thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Lục Ích O và bà Lục Thị Q.

Việc tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc cho rằng các thửa đất trên là của ông Lục Ích O và chia theo quy định của pháp luật là sai.

5. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án

Căn cứ Khoản 1 Điều 175; Điều 612; điểm c khoản 1 Điều 618, Điều 631, Điều 634; điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 BLDS năm 2015; Khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lục Trường G, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Lục Văn A khởi kiện bị đơn Lục Trường Đ, địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, di sản thừa kế là các bất động sản đều nằm trên địa bàn huyện Bảo Lạc. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc tuyên bản án số 06/DS-ST ngày 30/9/2022, ông Lục Trường G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 13/10/2022 ông G nhận được tổng đạt bản án, ngày 27/10/2022 ông G có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Trường G. HĐXX xét thấy:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp di sản thừa kế” và xác định khối di sản thừa kế gồm: Đất ở ODT 142, tờ bản đồ số 76; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng có diện tích là di sản chia thừa kế là 159m²; 20 thửa đất số 54, 72, 73, 97, 98, 116, 117, 137, 150, 151, 171, 172, 190, 191, 207, 208, 210, 225, 226 và 422 tại tờ bản đồ số 39 tại xóm Nà Chùa, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 6464,6m²; Thửa trồng hoa màu 130, 155 tờ bản đồ số 75 tại xóm H1, thị trấn F. Tuy nhiên quá trình xem xét phân chia di sản thì cấp sơ thẩm chỉ định giá đối với thửa đất t ở ODT 142, tờ bản đồ số 76; Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố E, thị trấn F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng có diện tích là di sản chia thừa kế là 159m². HĐXX xét thấy, khi tiến hành giải quyết vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” cần tiến hành định giá tài sản để xác định được tổng giá trị di sản thừa kế, nếu phải chia bằng hiện vật thì người được hưởng hiện vật nhiều hơn sẽ phải thanh toán giá trị bằng tiền mặt cho người được hưởng kỉ phần ít hơn, trên cơ sở đó khi tiến hành chia di sản thừa kế mới đảm bảo các kỉ phần có giá trị bằng nhau, đảm bảo quyền lợi cho những người hưởng thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành định giá tài sản đối với đất ở thửa số 142, tờ bản đồ số 76 mà không tiến hành định giá đối với các thửa đất khác là di sản thừa kế là trái với quy định tại điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai, Quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc Bà W, ông G mỗi người phải chịu án phí đối với kỷ phần được chia với phần tài sản là quyền sử dụng đất hoặc giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 173 mà không phải chịu án phí đối với giá trị của các thửa đất khác được hưởng là không đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: *Tại điểm a khoản 7 điều 27 326/2016 có quy định “Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phân di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch”*. Như vậy việc tòa án cấp sơ thẩm không định giá tài sản là khối di sản gồm 20 thửa đất số 54, 72, 73, 97, 98, 116, 117, 137, 150, 151, 171, 172, 190, 191, 207, 208, 210, 225, 226 và 422 tại tờ bản đồ số 39 tại xóm Nà Chùa, thị trấn

F, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích 6464,6m²; và 2 thửa đất trồng hoa màu 130, 155 tờ bản đồ số 75 tại xóm H1, thị trấn F là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tại phiên tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Ngoài ra quá trình cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định diện tích các thửa đất không mời các hộ có đất liền kề, việc không mời các hộ gia đình có thửa đất liền kề tham gia chứng kiến cũng sẽ không xác định được ranh giới cụ thể cũng như sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ nếu diện tích đất tranh chấp có sự chồng lấn. Cấp sơ thẩm còn vi phạm về xác định hàng thừa kế và diện thừa kế đối chị Hoàng Thị N là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lục Văn T1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015. Xuất thừa kế của ông Lục Văn T1 sẽ được chia cho chị Hoàng Thị N theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Hoàng Thị N không có yêu cầu hưởng thừa kế và cũng từ chối nhận thừa kế của ông T1. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải xác định chị Hoàng Thị N thuộc hàng thừa kế của ông T1, sau đó không xem xét chia do chị N không yêu cầu thì mới chính xác.

Việc cấp sơ thẩm xác định cho ông Đ được hưởng một xuất di sản thừa kế vì có công bảo quản khối di sản là không hợp lý vi phạm Điều 616, 618 BLDS năm 2015.

Đối với nội dung luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, có căn cứ chấp nhận với những nội dung nhận định vi phạm thủ tục về việc không định giá hết tài sản là di sản. Không có căn cứ để chấp nhận với những nội dung còn lại tại bản luận cứ của luật sư.

Đối với nội dung luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Thị J, có căn cứ để chấp nhận với nội dung trong luận cứ cho rằng khối di sản của ông O cần được chia theo pháp luật. Ngoài ra nội dung luận cứ cho rằng không cần định giá để xác định toàn bộ giá trị khối di sản, chỉ cần chia di sản theo mức tương đối là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ để xác định cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Trường G, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, chuyển hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm khi tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Lục Trường G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; điều 310; điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Trường G. Hủy bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng giải quyết lại theo quy định của pháp luật với Hội đồng xét xử khác.

2. Về án phí:

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Ông Lục Trường G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Lục Trường G được hoàn trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001245 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- TAND huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu tổ HCTP.

Nguyễn Thị Như